TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 03-6-2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Bé Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 410/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lữ Thị Lường E, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 02/3/2020.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2019, biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lữ Thị Lường E trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, chị và anh Lê Văn Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M1 (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre, vào ngày 14/7/2006. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh Đ ham mê đánh bài, chơi số đề, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi. Ngoài ra, anh Đ còn hay uống rượu,

sau khi nhậu say thì về nhà kiếm chuyện chưởi chị và gia đình chị dẫn đến anh chị thường hay cãi nhau. Anh chị chính thức sống ly thân cách nay khoảng 05 năm. Trong thời gian sống ly thân, anh Đ cũng có tìm chị để hàn gắn nhưng chị không đồng ý. Năm 2018, chị cũng có thử về chung sống với anh Đ thời gian khoảng 01 tháng nhưng thấy anh Đ vẫn không thay đổi gì nên chị xác định không thể hàn gắn hôn nhân cùng anh Đ nữa. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có hai con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 07/9/2006 và Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 16/3/2014. Hiện hai con chung đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cả cháu T và cháu Ng, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, anh và chị Lữ Thị Lường E tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M1 (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre, vào ngày 14/7/2006. Sau khi kết hôn, anh chị sống ở nhà riêng. Trong quá trình chung sống, anh chị cũng có cự cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn hàng ngày không có tranh chấp gì lớn. Anh thừa nhận trước đây anh có chơi đánh bài, cờ bạc nhưng nay anh đã bỏ. Việc mắng chưởi chị E và gia đình chị E cũng có nhưng đó là do những lúc tức giận lỡ lời chứ anh không có ý chưởi chị E và gia đình chị E. Thời gian ly thân là từ tháng 8/2016 khi chị E bỏ đi S làm cho đến nay, chị E cũng có về ở với anh khoảng 01 tháng trong năm 2018 nhưng anh không nhớ thời gian rồi sau đó lại bỏ đi. Trong thời gian ly thân, anh có năn nỉ chị E về nhưng chị E không trở về. Nay chị E yêu cầu ly hôn, anh đồng ý vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có hai con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 07/9/2006 và Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 16/3/2014. Hiện hai con chung đang sống với chị E. Nay ly hôn, anh đồng ý để chị E tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại biên bản lấy ý kiến đề ngày 07/01/2020, cháu Lê Minh T trình bày:

Nếu cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Theo cháu, mẹ có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất và tinh thần cho cháu.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của anh Lê Văn Đ và chị Lữ Thị Lường E đề ngày 13/01/2020 có nội dung như sau:

Anh Lê Văn Đạ và chị Lữ Thị Lường E sau khi đám cưới sống ở nhà riêng. Trong quá trình chung sống, anh Đ có nhậu nhẹt và chơi cờ bạc nhưng không có nghe thông tin anh Đ chửi mắng vợ con. Theo thông tin xung quanh nhà của chị Lường E và anh Đ thì chị Lường E có mối quan hệ nam nữ với nhiều người khác nên tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lữ Thị Lường E và anh Lê Văn Đ; Về nuôi con chung: Chị Lữ Thị Lường E tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 07/9/2006 và Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 16/3/2014, anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lữ Thị Lường E không có yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Lữ Thị Lường E có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/3/2020 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị E là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Lữ Thị Lường E và anh Lê Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Theo chị E trình bày thì nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh Đ ham mê đánh bài, chơi số đề chị nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi. Ngoài ra, anh Đ còn hay uống rượu, sau khi nhậu say thì về nhà kiếm chuyện chửi chị và gia đình chị dẫn đến anh chị thường hay cãi nhau và anh chị đã sống ly thân khoảng 05 năm nay. Anh Đ cho rằng anh chị có cự cãi nhau nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ của vợ chồng hàng ngày. Tuy nhiên, vào tháng 8/2016 chị E tự ý bỏ nhà đi S làm và chỉ thỉnh thoảng mới có về nhà nhưng chỉ về nhà cha mẹ ruột của chị E. Anh cũng có bàn bạc tìm cách hàn gắn hôn nhân nhưng chị E không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị E cương quyết được ly hôn với anh Đ. Tại phiên tòa, anh Đ xác định không còn tình cảm với chị E nên đồng ý ly hôn. Theo biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của anh Đ và chị E cũng xác định trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi

nhau dẫn đến sống ly thân. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị E và anh Đ là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 07/9/2006 và Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 16/3/2014. Hiện cháu T và cháu Ng đang sống với chị E. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị E có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu T và cháu Ng. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý để chị E tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T và cháu Ng. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh Đ và chị E là phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên giao cháu T và cháu Ng cho chị E tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, việc chị E không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[4] *Về án phí:* Chị Lữ Thị Lường E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lữ Thị Lường E và anh Lê Văn Đ.

Chị Lữ Thị Lường E và anh Lê Văn Đ được ly hôn với nhau.

2.Về nuôi con chung: Chị Lữ Thị Lường E được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 07/9/2006 và Lê Thị Thanh Ng, sinh ngày 16/3/2014. Anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lữ Thị Lường E không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4.Về án phí: Chị Lữ Thị Lường E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị E đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang